

Bản án số: 260/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc.

2. Bà Lý Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ) vào năm 2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã có hàn gắn

nhưng không được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phạm Hồng T1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 08/12/2005 và Phạm Thị T2 (giới tính: Nữ) sinh ngày 21/07/2007. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Hồng T vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến; Ông Phạm Hồng T vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Hồng T nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Hồng T cư trú tại ấp D, xã V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Cần Thơ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Phạm Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hồng T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Hồng T đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ) vào năm 2004. Do đó, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Hồng T là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, bà Nguyễn Thị S cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông Phạm Hồng T bỏ mặc, không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Hồng T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S, cho bà

Nguyễn Thị S ly hôn với ông Phạm Hồng T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Hồng T có 02 con chung là Phạm Hồng T1 (giới tính: Nữ) sinh ngày 08/12/2005 và Phạm Thị T2 (giới tính: Nữ) sinh ngày 21/07/2007. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu và ông Phạm Hồng T cũng chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị S đã nộp theo biên lai số 000669 ngày 12 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, thành phố Cần Thơ, bà Nguyễn Thị S không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND xã Vị Thanh 1, thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thu Thuý

Phạm Kim Ngọc

Huỳnh Xuân Tình

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND xã Vị Thanh 1, thành phố Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã Tân Tiến, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Tình